TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39 /2023/QĐST-HNGĐ	**Sơn Trà, ngày 17 tháng 3 năm 2023**

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Võ Hữu T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 10, thôn H, xã Duy N, huyện Duy X, tỉnh Quảng Nam và bà Vũ Thị Ngọc T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 38, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Võ Hữu T và bà Vũ Thị Ngọc T kết hôn với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã Duy N, huyện Duy X, tỉnh Quảng Nam (số 52/2018, ngày 02/6/2018). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 38, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian

chung sống đến tháng 01 năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bà T có nguyện vọng đi tu hiện tại đã xuống tóc ăn chay và không muốn ràng buộc tình cảm gây đau khổ cho nhau. Ông T và bà T sống không hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông T và bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Hữu T và bà Vũ Thị Ngọc T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông T và bà T xác nhận có một con chung tên Võ Tuấn K, sinh ngày 12/02/2020. Ly hôn, ông T và bà T thỏa thuận: Ông Võ Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Võ Tuấn K, sinh ngày 12/02/2020 và bà Vũ Thị Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, kể từ tháng 4 năm 2023.

Ông T và bà T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung:* Ông T và bà T xác nhận không có.

[4] *Về nợ chung:* Ông T và bà T xác nhận không có.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông T và bà T mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 09 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Hữu T và bà Vũ Thị Ngọc T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 52 do Uỷ ban nhân dân xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam cấp cho ông T và bà T ngày 02/6/2018 không còn giá trị pháp lý).*

- Về con chung: Ông Võ Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Võ Tuấn K, sinh ngày 12/02/2020 và bà Vũ Thị Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, kể từ tháng 4 năm 2023.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Võ Hữu T và bà Vũ Thị Ngọc T mỗi người phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Võ Hữu T và bà Vũ Thị Ngọc T đã nộp tại biên lai thu số 0003540 ngày 01/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *UBND xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ